CÔNG TY CỔ PHẦN **DAP SỐ 2 – VINACHEM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 911 /TB – DAP2	*Lào Cai, ngày 23 tháng 5 năm 2022*

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi: .....

Bên mời thầu - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức chào hàng cạnh tranh gói thầu: "Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2".

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận 01 bộ Hồ sơ yêu cầu từ 07 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 05 năm 2022 (trong giờ hành chính, sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 - chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30).

Tại địa điểm sau:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

- Địa chỉ: KCN Tằng Loỏng, thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Điện thoại: 0214.3767.048 - Fax: 0214.3767.047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 14 giờ (giờ Việt Nam) 30 phút, ngày 31 tháng 05 năm 2022 tại Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM.

Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở thầu với thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - Lưu: VT.	**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU** **TỔNG GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5300265969 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 VINACHEM * H. BẢO THẮNG - T. LÀO CAI **Vũ Việt Tiến**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

HỒ SƠ YÊU CẦU

Chào hàng cạnh tranh gói: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2

Địa điểm: Nhà máy DAP số 2 – Khu công nghiệp Tằng Loỏng, TT Tằng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 910./QD-DAP2 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem)

BÊN MỜI CHÀO HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5300265969 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 VINACHEM * H. BẢO THẮNG - T. LÀO CAI

Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

TỪ NGỮ VIẾT TẮT/ KHÁI NIỆM

Chủ đầu tư/ Bên mời thầu	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư và sửa chữa công trình, hạng mục thiết bị.
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
Bên A	Chủ đầu tư/ Bên mời thầu
Bên B	Nhà thầu/ Nhà cung cấp

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời chào hàng Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả như sau:.

- Tên gói thầu: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2.

- Phạm vi và khối lượng gói thầu: *(Xem Bảng dữ liệu yêu cầu tại Chương IV).*

- Nhà thầu phải chào toàn bộ nội dung thực hiện của gói thầu mới được chấp nhận.

2. Địa điểm thực hiện: Xưởng SA thuộc Nhà máy DAP số 2 - Vinachem, Khu Công nghiệp Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (Gồm giai đoạn 1: Hoàn thành công việc gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 và giai đoạn 2: Hoàn thành công việc lắp đặt cụm giàn trao đổi nhiệt vào thiết bị).

4. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

5. Nguồn vốn: Tự có + Vay ngân hàng.

Mục 2. Điều kiện tham gia gói thầu của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây thì được tham gia trong một Hồ sơ đề xuất với tư cách là nhà thầu độc lập:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Hạch toán tài chính độc lập.

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp:

Nhà thầu phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện *(nếu có)*, …

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Báo cáo tài chính năm 2020 đến năm 2021 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận để để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.

- Đối với các nhà cung cấp là liên danh: Yêu cầu phải đáp ứng với hồ sơ năng lực theo thỏa thuận liên danh được các bên ký để tham gia chào hàng.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào hàng muộn nhất vào ngày 28./05./2022. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời chào hàng sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã nhận HSYC từ bên mời chào hàng. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời chào hàng tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời chào hàng sẽ gửi thông báo sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 29./05/2022.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSĐX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu để tất cả các nhà thầu có thêm thời gian cập nhập HSĐX.

3. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSĐX. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu cần liên hệ trước với bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung của hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất do nhà thầu chuẩn bị bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu.

2. Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Mục 2 – Chương II của HSYC.

4. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu có).

5. Thỏa thuận liên danh Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu (nếu có).

6. Các nội dung khác theo yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu.

Mục 7. Giá chào và giảm giá:

1. Giá chào thầu bằng Đồng Việt Nam, giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSĐX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Tạm ứng và nghiệm thu thanh toán

1. Tạm ứng

- Tạm ứng: Tạm ứng 40% tổng giá trị Hợp đồng.

2. Thanh toán

a. Số lần nghiệm thu: 02 lần

- Lần 1: Nghiệm thu hoàn thành công việc phần gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 (đã mang đến hiện trường nhưng chưa tháo dỡ lắp đặt tại mặt bằng hiện trường).

- Lần 2: Hoàn thành khối lượng còn lại và bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

b. Phương thức thanh toán:

- Lần 1: Thanh toán 95% giá trị khối lượng nghiệm thu lần 1 sau khi đã khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng.

- Lần 2: Thanh toán toàn bộ số tiền còn lại sau khi nghiệm thu xong giá trị khối lượng hoàn thành, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng. Nhà thầu phát hành bảo lãnh bảo hành (5%) bằng hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng (nội dung của bảo lãnh bảo hành phải được sự chấp thuận của bên mời chào).

c. Thời hạn thanh toán: Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng và của Pháp luật hiện hành.

Mục 9. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX đồng thời yêu cầu nhà thầu

gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

Mục 10. Quy cách của Hồ sơ đề xuất

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 03 bản chụp HSĐX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT".

2. Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng Hồ sơ đề xuất được quy định như sau:

- Người gửi: (Tên của Nhà thầu).
- Địa chỉ nộp: Phòng Cơ điện - Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
- Khu công nghiệp Tằng Loỏng, TT. Tằng Loỏng, H. Bảo Thắng, T. Lào Cai.
- ĐT: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047
- Tên gói thầu: "Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2 Sửa chữa"

Mục 12. Thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất:

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 14 giờ 00 phút ngày 31 tháng 05 năm 2022.

Mục 13. Mở HSĐX

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSĐX của các nhà thầu vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 31 tháng 05 năm 2022 tại Trụ sở - Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSĐX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSĐX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSĐX nào khi mở thầu, trừ các HSĐX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại HSĐX của các nhà thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 14. Làm rõ HSĐX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của bên mời thầu.

2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 15. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSĐX; HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSĐX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSĐX

của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSĐX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, căn cứ kết quả xếp hạng nhà thầu tham gia chào hàng, bên mời thầu có quyền mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 16. Điều kiện xét duyệt trúng thầu:

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

4. Có giá đánh giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

6. Trường hợp có từ 02 Nhà thầu trở lên có giá đề nghị trúng thầu bằng nhau sẽ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên Nhà thầu có điều kiện nào thanh toán tốt hơn và thời gian bảo hành nhiều hơn.

Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax hoặc Email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 18. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Trước khi bên A tạm ứng cho bên B thì bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị tiền tạm ứng;

Bên A tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng là: ....., đồng;

(Bằng chữ: .....)

- Hình thức bảo lãnh tiền tạm ứng: Bảo lãnh của Ngân hàng phát hành (nội dung của Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được sự chấp thuận của bên mời chào hàng).

- Hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- Bên B phải gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng trước 05 ngày hết hiệu lực và khi: Bên A có văn bản chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng; Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng mà hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng đã sắp hết hiệu lực;

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải cam kết bảo đảm thực hiện hợp đồng với số tiền tương ứng 3,0% giá trị hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng phát hành (nội dung của Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được sự chấp thuận của bên mời chào hàng). Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết (xác nhận bằng biên bản giao nhận).

2. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên B sẽ không phải gia hạn hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng khi số lần gia hạn > 02 lần, trong điều điện bên B đã hoàn thành giai đoạn 1 và bên A không bàn giao mặt bằng thi công cho bên B.

Mục 20. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn vẫn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên A tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên A sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

CHƯƠNG II: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1. Kiểm tra HSĐX

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình

đánh giá chi tiết HSĐX.

2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

g) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Stt	Nội dung yêu cầu	Nhà cung cấp đáp ứng (Đạt/ Không đạt)	Tài liệu cần nộp
1	Thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất: 30 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu là 14 giờ 00 phút ngày 31. tháng 05 năm 2022.		
2	Cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề thi công xây lắp công trình.		Bản sao công chứng
3	Chứng minh năng lực kinh nghiệm, tài chính: - Tối thiểu 01 hợp đồng tương tự (hợp đồng chế tạo và sửa chữa các thiết bị trao đổi nhiệt dạng ống xoắn thuộc nhà máy hóa chất) đã thực hiện trong 4 năm gần nhất (2018, 2019, 2020, 2021) có giá trị hợp đồng ≥ 3,5 tỷ đồng hoặc số lượng hợp đồng < 05 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị không nhỏ		Bản sao công chứng đối với các Hợp đồng

Stt	Nội dung yêu cầu	Nhà cung cấp đáp ứng (Đạt/ Không đạt)	Tài liệu cần nộp
	hơn 1 tỷ nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng > 5 tỷ. - Báo cáo tài chính năm 2020 đến năm 2021 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. - Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động chế tạo, sửa chữa và lắp đặt thiết bị tối thiểu là 7,5 tỷ VNĐ, trong vòng 03 năm trở lại đây.		
4	Cam kết thực hiện gói thầu		Mẫu 06
5	Thời gian thực hiện hợp đồng: Không lớn hơn 45 ngày.		

Kết luận: Nhà thầu đạt yêu cầu khi tất cả các điều kiện đều phải "đạt" so với yêu cầu đề ra của HSYC. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và các vấn đề khác

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu		
1.1. Vật liệu chế tạo thành vỏ, hệ khung và tăng cứng	Đáp ứng yêu cầu vật liệu SS400 hoặc tương đương.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.2. Vật liệu, kích thước ống Tube chế tạo giàn trao đổi nhiệt, ống góp cấp nước vào và ra	Đáp ứng yêu cầu bản vẽ	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.3. Que hàn	Đáp ứng yêu cầu dây hàn tig K71T, ER70S-G, que hàn E7018.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2. Biên pháp thi công và tiến độ thi công		
2.1. Biện pháp thi công	Có Biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ, không làm ảnh hưởng việc sản xuất của bên mời chào ngay trong giai đoạn chào thầu với một số nội dung chính như sau: - Khái quát về nội dung công việc, khối lượng thực hiện; - Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình. - Giải pháp thi công đảm bảo an toàn	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	và tiến độ sửa chữa. - Kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, phương tiện thiết bị phục vụ công tác thi công.	
	Không có Biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và làm ảnh hưởng việc sản xuất của bên mời chào ngay trong giai đoạn chào thầu hoặc biện pháp thi công không hợp lý, không phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình.	Không đạt
2.1. Tiến độ thi công	Tổng thời gian thực hiện (từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi nghiệm thu bàn giao): Không lớn hơn 45 ngày, trong đó: - Giai đoạn 1: Thời gian hoàn thành công tác gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 (đã mang đến hiện trường nhưng chưa tháo dỡ lắp đặt tại mặt bằng hiện trường): Không lớn hơn 37 ngày - Giai đoạn 2: Thời gian thực hiện tháo dỡ thiết bị và lắp đặt cụm giàn trao đổi nhiệt tại mặt bằng hiện trường (Không bao gồm chạy thử 72h): Không lớn hơn 08 ngày.	Đạt
	Tổng thời gian thực hiện lớn hơn 45 ngày hoặc có tổng thời gian thực hiện nhỏ hơn 45 ngày nhưng có thời gian thực hiện giai đoạn 2 lớn hơn 08 ngày	Không đạt
3. Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động		
3.1 Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong nhà máy, bảo vệ môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
3.2. Phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	biện pháp tổ chức thi công	
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
3.3. An toàn lao động	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động, hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4. Bảo hành		
Thời gian bảo hành và mức độ đáp ứng bảo hành.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. Trong vòng 48 tiếng nhà thầu phải có mặt tại hiện trường kể từ khi có thông báo bằng điện thoại, fax hoặc email của Chủ Đầu tư.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng và không đến đáp ứng bảo hành	Không đạt

Kết luận: Nhà thầu đạt yêu cầu khi tất cả các điều kiện đều phải "đạt" so với yêu cầu đề ra của HSYC. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Đánh giá về mặt tài chính

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III: BIỂU MẪU KÈM THEO

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà thầu]*,có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[4], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [5].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu[6]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn

chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là *_[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của *_[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại *_[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho *_[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]*thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu *_[Ghi tên gói thầu]* do *_[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	Người ủy quyền
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Gói thầu: " Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho nhà máy DAP2"

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (5)*(6)
I	**PHẦN GIA CÔNG TỔ HỢP CÁC CHI TIẾT THÀNH CỤM GIÀN TRAO ĐỔI NHIỆT**					
1	Gia công chế tạo và lắp đặt tấm vách giữ ống trao đổi nhiệt	Dầy 16mm, vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	1,2666		
2	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ giàn ống trao đổi nhiệt: Ống Tube, cánh tản nhiệt, ống trượt co giãn, bù giãn nở, cút, ống góp và Nozzle	Gia công bằng phương pháp hàn ống cao áp (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-4; DAP2-20E306-5). Có báo cáo kiểm tra 20% các mối hàn ống Tube bằng RT và 100% các mối hàn đường ống góp bằng PT hoặc MT, có kiểm tra thử áp ở 80,5 bar.	Tấn	30,1702		
3	Gia công chế tạo và lắp đặt tôn thành vỏ: Tôn thành 2 bên hông, tôn mặt trước và mặt sau, tôn hộc mặt trước và mặt sau	Gia công bằng phương pháp hàn từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120. Vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3). Có báo cáo kiểm tra 10% đường hàn tôn thành bằng PT hoặc MT.	Tấn	3,6638		
4	Gia công chế tạo và lắp đặt cửa người	Bao gồm cả bông thủy tinh và Bulong M10x40 (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	0,32185		
5	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ khung thành vỏ và tăng cứng	Vật liệu SS400 hoặc tương đương (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-6)	Tấn	1,6161		
6	Phun cát làm sạch vỏ thiết bị (Hệ khung và tăng cứng tạm tính 4m2/1 tấn)	Làm sạch bề mặt kim loại bằng phun cát (độ sạch 2,5 SA)	m2	42,504		

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Sơn vỏ thiết bị, hệ khung thành vỏ, tăng cứng (Hệ khung và tăng cứng tạm tính 4m2/1 tấn)	Một lớp sơn lót và 01 lớp sơn chịu nhiệt ≥400độ C, chiều dày tổng lớp sơn > 130Mcr	m2	42,504		
II	**THÁO DỠ LẮP ĐẶT TẠI MẶT BẰNG HIỆN TRƯỜNG**					
8	Tháo dỡ đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
9	Tháo dỡ tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
10	Tháo dỡ bông bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
11	Tháo dỡ phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-1 và 32WHT – DU – ECO3B -001)	Tấn	1,389		
12	Tháo dỡ phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ 32WHT-ECO3B-001) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	33,055		
13	Lắp phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306 mới với phần đáy bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ DAP2-20E306-3) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	37,0385		
14	Lắp đặt phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306 với phần trao đổi nhiệt mới bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-2, DAP2-20E306-3 và 32WHT – DU – ECO3B -001)	Tấn	1,389		
15	Lắp đặt đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306 bằng phương pháp hàn	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-20E306-2; DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
16	Lắp đặt lại bông bảo ôn cũ (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
17	Lắp đặt thêm mới 60% bông bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Tỷ trong 110Kg/m3 – 120kg/m3 (Bản vẽ DAP2-20E306-2), chịu nhiệt ≥ 400 độ C	m2	56,2035		
18	Bọc lại tôn bảo ôn (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		
19	Bọc thêm mới 60% tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Inox 201 hoặc 304 dày 0,3mm (Bản vẽ DAP2-20E306-2)	m2	56,2035		
	Tổng:					
	Thuế GTGT:					
	Tổng cộng:					
Bằng chữ: …..						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của bên mời chào hàng, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐX theo quy định.

Mẫu số 04

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

_____, ngày . tháng . năm _____

Hồ sơ chào hàng: _____*[Ghi tên gói chào hàng]*

Căn cứ[2] *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ];*

Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh _____ *[Ghi tên gói chào hàng]* phát hành ngày___*[ghi ngày được ghi trên HSYCCH];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại, số fax_____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày tháng _____năm _____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự hồ sơ chào hàng ___*[Ghi tên gói chào hàng]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến hồ sơ chào hàng này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia hồ sơ chào hàng này. Trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh.Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ *[Ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện hồ sơ đề xuất ____ *[Ghi tên gói chào hàng]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [3]:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCH và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói chào hàng**	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không trúng chào hàng;

- Hủy hồ sơ đề xuất ____ *[Ghi tên gói chào hàng]* theo thông báo của bên mời chào hàng.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 05

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM TỪ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ XÂY LẮP[1]

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động tư vấn, cung cấp hàng hóa và xây lắp cho các công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành.

Số liệu doanh thu hàng năm cho _____năm gần nhất[2]	
Năm	**Số tiền**
Doanh thu bình quân hàng năm [3]	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại tiêu chí đánh giá 3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động tư vấn, cung cấp hàng hóa và xây lắp, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động tư vấn, cung cấp hàng hóa và xây lắp của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 06

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*

Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và các tài liệu đính kèm HSYC do____ *[Ghi tên bên mời chào hàng]* phát hành, chúng tôi ____ *[Ghi tên gói thầu]* có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm:

- Tên gói mua sắm: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2.

- Công ty cổ phần DAP số 2-Vinachem mời các đơn vị có năng lực chào hàng cạnh tranh với phạm vi công việc như sau:

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**PHẦN GIA CÔNG TỔ HỢP CÁC CHI TIẾT THÀNH CỤM GIÀN TRAO ĐỔI NHIỆT**					
1	Gia công chế tạo và lắp đặt tấm vách giữ ống trao đổi nhiệt	Dầy 16mm, vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	1,2666		
2	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ giàn ống trao đổi nhiệt: Ống Tube, cánh tản nhiệt, ống trượt co giãn, bù giãn nở, cút, ống góp và Nozzle	Gia công bằng phương pháp hàn ống cao áp (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-4; DAP2-20E306-5). Có báo cáo kiểm tra 20% các mối hàn ống Tube bằng RT và 100% các mối hàn đường ống góp bằng PT hoặc MT, có kiểm tra thử áp ở 80,5 bar.	Tấn	30,1702		
3	Gia công chế tạo và lắp đặt tôn thành vỏ: Tôn thành 2 bên hông, tôn mặt trước và mặt sau, tôn hộc mặt trước và mặt sau	Gia công bằng phương pháp hàn từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120. Vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3). Có báo cáo kiểm tra 10% đường hàn tôn thành bằng PT hoặc MT.	Tấn	3,6638		
4	Gia công chế tạo và lắp đặt cửa người	Bao gồm cả bông thủy tinh và Bulong M10x40 (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	0,32185		
5	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ khung thành vỏ và tăng cứng	Vật liệu SS400 hoặc tương đương (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-6)	Tấn	1,6161		
6	Phun cát làm sạch vỏ thiết bị (Hệ khung và tăng cứng tạm tính 4m2/1 tấn)	Làm sạch bề mặt kim loại bằng phun cát (độ sạch 2,5 SA)	m2	42,504		
7	Sơn vỏ thiết bị, hệ khung thành vỏ, tăng cứng (Hệ khung và tăng cứng tạm tính	Một lớp sơn lót và 01 lớp sơn chịu nhiệt ≥400độ C, chiều dày tổng lớp sơn > 130Mcr	m2	42,504		

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	4m2/1 tấn)					
II	THÁO DỠ LẮP ĐẶT TẠI MẶT BẰNG HIỆN TRƯỜNG					
8	Tháo dỡ đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
9	Tháo dỡ tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
10	Tháo dỡ bông bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
11	Tháo dỡ phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-1 và 32WHT – DU – ECO3B - 001)	Tấn	1,389		
12	Tháo dỡ phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ 32WHT-ECO3B-001) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	33,055		
13	Lắp phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306 mới với phần đáy bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ DAP2-20E306-3) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	37,0385		
14	Lắp đặt phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306 với phần trao đổi nhiệt mới bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-2, DAP2-20E306-3 và 32WHT – DU – ECO3B -001)	Tấn	1,389		
15	Lắp đặt đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306 bằng phương pháp hàn	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-20E306-2; DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
16	Lắp đặt lại bông bảo ôn cũ (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		
17	Lắp đặt thêm mới 60% bông bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Tỷ trong 110Kg/m3 – 120kg/m3 (Bản vẽ DAP2-20E306-2), chịu nhiệt ≥ 400 độ C	m2	56,2035		

STT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
18	Bọc lại tôn bảo ôn (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		
19	Bọc thêm mới 60% tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Inox 201 hoặc 304 dày 0,3mm (Bản vẽ DAP2-20E306-2)	m2	56,2035		

Mục 2: Tiến độ, địa điểm thực hiện:

- Thực hiện hợp đồng: Không lớn hơn 45 ngày, trong đó:

+ Giai đoạn 1: Thời gian hoàn thành công tác gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 (đã mang đến hiện trường nhưng chưa tháo dỡ lắp đặt tại mặt bằng hiện trường): Không lớn hơn 37 ngày

+ Giai đoạn 2: Thời gian thực hiện tháo dỡ thiết bị và lắp đặt cụm giàn trao đổi nhiệt tại mặt bằng hiện trường (Không bao gồm chạy thử 72h): Không lớn hơn 08 ngày.

- Địa điểm: Nhà máy DAP số 2 - Vinachem, Khu Công nghiệp Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật:

1. Yêu cầu chung:

- Thiết bị sau khi sửa chữa bảo dưỡng hoạt động ổn định, bảo đảm hiệu suất trao đổi nhiệt theo yêu cầu thiết kế, thành vách thiết bị không bị hở khí biến dạng khi hoạt động.

- Thi công theo sự chỉ dẫn của Bên A.

2. Yêu cầu cụ thể:

a. Đáp ứng yêu cầu chế tạo, đặc điểm kỹ thuật thiết bị

- Yêu cầu chế tạo:

+ TCVN 6008: 2010, Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử.

+ Các mối hàn đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN6008-2010 còn phải đảm bảo 100% mối hàn không rỗ, ngậm xỉ và đảm bảo chiều cao mối hàn theo thiết bị cũ.

- Yêu cầu về đặc điểm kỹ thuật khác:

+ Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong phần "diễn giải, yêu cầu kỹ thuật" trong mục 1.

+ Ống trao đổi nhiệt đảm bảo không bị xoắn, xiên vẹo sau khi thi công.

+ Áp suất kiểm tra: 80,5bar

b. Yêu cầu về phương án bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động đảm bảo theo các tiêu chuẩn sau:

TT	Tiêu chuẩn	Tên gọi
1	TCVN 3254-1989	An toàn cháy – Yêu cầu chung
2	TCVN 3255-1986	An toàn nổ - Yêu cầu chung

TT	Tiêu chuẩn	Tên gọi
3	TCVN 5279-90	Bụi cháy - An toàn cháy nổ - Yêu cầu chung

Mục 4. Danh sách bản vẽ đính kèm:

Bản vẽ DAP2-20E306-1; DAP2-20E306-2; DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-4; DAP2-20E306-5; DAP2-20E306-6; 32WHT – DU – ECO3B -001; DAP2-4X1205-20-GAD-3041.

CHƯƠNG V: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số:……/2022/HĐKT/DAP2-……

Gói thầu: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-DAP2 ngày .../.../2022 của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: "Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2";

- Căn cứ Hồ sơ đề xuất của Công ty .....;

- Căn cứ Biên bản đàm phán hoàn thiện hợp đồng .....;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên,

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại Văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem chúng tôi các bên ký hợp đồng gồm:

Bên A (Bên thuê): CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

Đại diện : Ông Vũ Việt Tiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : KCN Tằng Loỏng, TT Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại : (84-02143) 767 048 Fax: (84-02143) 767 047

Mã số thuế : 5300 265 969

Số tài khoản : 1003880721 – Tại Ngân hàng SHB, chi nhánh Lào Cai.

Bên B (Bên nhận): .....

Đại diện : ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : ..... Fax: .....

Mã số thuế : .....

Tài khoản : .....

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Nội dung và khối lượng công việc:

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2 theo đúng HSYC, HSĐX; các tài liệu, tiêu chuẩn có liên quan, bảo đảm

chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

ĐIỀU 2: Yêu cầu kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung

- Bên B phải trình Bên A biện pháp thi công để Bên A xem xét chấp thuận trước khi triển khai thi công.

- Thi công theo chỉ dẫn của Bên A.

- Thi công đảm bảo an toàn con người, thiết bị của Nhà máy DAP2. Trường hợp trong quá trình thi công Bên B làm hư hỏng thiết bị/ công trình của Bên A phải bồi thường hoàn trả lại theo đúng hiện trạng.

- Đảm bảo an toàn môi trường, an toàn lao động theo quy định.

- Đảm bảo chất lượng theo quy định khác của hợp đồng.

- Thu hồi vật tư cũ và đổ thải theo chỉ dẫn của Bên A.

2.2. Yêu cầu về chế tạo, đặc điểm kỹ thuật thiết bị

- Yêu cầu chế tạo:

+ TCVN 6008: 2010, Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử.

+ Các mối hàn đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 6008: 2010 còn phải đảm bảo 100% mối hàn không rỗ, ngậm xỉ và đảm bảo chiều cao mối hàn theo thiết bị cũ.

- Yêu cầu về đặc điểm kỹ thuật khác:

+ Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong phần "diễn giải, yêu cầu kỹ thuật" trong mục 1.

+ Ống trao đổi nhiệt đảm bảo không bị xoắn, xiên vẹo sau khi thi công.

+ Áp suất kiểm tra: 80,5bar

2.3. Yêu cầu về phương án bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động đảm bảo theo các tiêu chuẩn sau:

TT	Tiêu chuẩn	Tên gọi
4	TCVN 3254-1989	An toàn cháy – Yêu cầu chung
5	TCVN 3255-1986	An toàn nổ - Yêu cầu chung
6	TCVN 5279-90	Bụi cháy - An toàn cháy nổ - Yêu cầu chung

ĐIỀU 3: Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng.

3.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng:

- Thiết bị sau khi sửa chữa bảo dưỡng hoạt động ổn định, bảo đảm hiệu suất trao đổi nhiệt theo yêu cầu thiết kế, thành vách thiết bị không bị hở khí biến dạng khi hoạt động.

- Thiết bị được sửa chữa theo đúng bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong HSYC phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Bên B cung cấp cho bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu, các kết quả kiểm tra kiểm nghiệm mối hàn theo HSYC.

- Bên B đảm bảo vật tư gồm: Ống góp cấp nước đầu vào, đầu ra và ống Tube làm giàn ống trao đổi nhiệt do bên B cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ theo quy định.

3.2. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành thực hiện theo quy định hiện hành. Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 3.1 nêu trên và bên B đã hoàn thành khối lượng công việc được quy định tại mỗi lần thanh toán, đáp ứng đầy đủ các điều kiện trước khi yêu cầu bên A nghiệm thu.

b. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...

c. Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được đại diện bên A và bên B ký xác nhận.

- Hồ sơ nguồn gốc xuất xứ vật liệu, kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu...

- Bản vẽ hoàn công tương ứng với khối lượng nghiệm thu.

- Nhật ký thi công.

3.3. Nghiệm thu, vận hành chạy thử, bàn giao công trình và các hạng mục công trình:

Khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành đáp ứng yêu cầu của hợp đồng thì bên B thông báo cho bên A để tiến hành nghiệm thu công trình. Bên B thông báo cho bên A nghiệm thu công trình không sớm hơn 01 ngày trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao.

Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc của hợp đồng, tiến hành chạy thử nghiệm thu 72 giờ (chạy thử pha nước cấp vào giàn ống trao đổi nhiệt) theo thông số thiết kế, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

ĐIỀU 4: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

4.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng và bàn giao mặt bằng

Hoàn thành trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (không bao gồm những ngày mưa không thể thi công, những ngày bất khả kháng và chạy thử 72 giờ), với các mốc cụ thể như sau:

- Giai đoạn 01: Thực hiện trong thời gian .... ngày. Bắt đầu từ ngày .../..../2022 đến hết ngày .../.../2022: Bên B phải hoàn thành công việc gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 (đã mang đến hiện trường nhưng chưa tháo dỡ lắp đặt tại mặt bằng hiện trường)

- Giai đoạn 02: Thực hiện trong thời gian .... ngày. Bắt đầu từ ngày bàn giao mặt bằng: Bên B phải hoàn thành các công việc tháo dỡ thiết bị, lắp đặt cụm giàn trao đổi

nhiệt tại mặt bằng hiện trường và các công việc còn lại của hợp đồng. Địa điểm tập kết tháo dỡ thu hồi theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư.

- Ngày bàn giao mặt bằng: Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản trước 03 - 05 ngày làm việc. Nếu bên A chậm bàn giao mặt bằng thiết bị cho bên B thì thời gian bàn giao chậm trễ sẽ được xem xét để điều chỉnh tiến độ hợp đồng.

- Thời gian chạy thử nghiệm thu 72 giờ sẽ không tính vào thời gian tiến độ thực hiện hợp đồng. Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản trước 01 ngày làm việc.

4.2. Gia hạn thời gian hoàn thành:

a. Bên A và bên B sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

- Bên A không giao quyền sử dụng công trường, mặt bằng thiết bị cho Nhà thầu vào thời gian quy định;

- Bên A chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;

- Sự chậm trễ bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng;

- Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế... làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. Các phần thay đổi cần xác định rõ thời gian làm chậm tiến độ;

- Trường hợp do thời tiết không thể thi công (nhà thầu đã đưa ra tất cả các biện pháp nhưng không thể thi công) có biên bản xác nhận của bên A, thì thời gian này sẽ được cộng thêm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Các trường hợp khác: Do bất khả kháng; do yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

b. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A phải tiến hành thương thảo với bên B về các nội dung liên quan.

c. Khi có gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì bên B phải chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hợp đồng. Bên B sẽ không phải gia hạn hiệu lực của của Bảo đảm thực hiện hợp động khi số lần gia hạn > 02 lần, trong điều điện bên B đã hoàn thành giai đoạn 1 và bên A không bàn giao mặt bằng thi công cho bên B.

ĐIỀU 5: Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

5.1.1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng. Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng gồm:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc (Nội dung và biểu mẫu của Bảo đảm hiện hợp đồng phải được sự chấp thuận của bên A)

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng 3,0% giá trị hợp đồng: ....., đồng.

(Bằng chữ: .....)

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành cộng (+) thêm 15 ngày (tối thiểu 60 ngày).

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết *(xác nhận bằng biên bản giao nhận)*.

5.1.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a. Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b. Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c. Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5.1.3. Bên A hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu tối thiểu 05 ngày, kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng

5.1.4. Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi:

- Hai bên có thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng;

- Khi sắp hết hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng trước 10 ngày, bên B phải tiến hành gia hạn thời gian bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu bên A hoặc tương ứng với thời gian chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng của bên A;

- Trước ngày hết hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng 05 ngày mà bên B không thực hiện gia hạn hiệu lực bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên A thì bên A được phát hành văn bản gửi tới Ngân hàng bảo lãnh yêu cầu tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của bên B một cách vô điều kiện.

5.1.5. Bên B không phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi:

- Số lần gia hạn kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng giữa bên A và bên B lớn hơn > 02 lần và trong điều kiện Bên B đã hoàn thành công việc giai đoạn 1 nhưng chưa thể lắp đặt do bên A chưa bàn giao mặt bằng thi công cho bên B.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

- Trước khi bên A tạm ứng cho bên B thì bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị tiền tạm ứng;

Bên A tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng là: ....., đồng;

(Bằng chữ: .....)

- Hình thức bảo lãnh tiền tạm ứng: Bảo lãnh của Ngân hàng với nội dung và biểu mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng phải được sự chấp thuận của bên A.

- Hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- Bên B phải gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng trước 05 ngày hết hiệu lực và khi:

+ Bên A có văn bản chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

+ Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng mà hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng đã sắp hết hiệu lực,

+ Nếu Bên B không thực hiện gia hạn hiệu lực bảo lãnh tiền tạm ứng theo yêu cầu của Bên A thì bên A được phát hành văn bản gửi tới Ngân hàng bảo lãnh yêu cầu tịch thu bảo lãnh tiền tạm ứng của bên B một cách vô điều kiện.

ĐIỀU 6: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán:

6.1. Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị của hợp đồng là (theo giá trúng thầu đã bao gồm Thuế VAT): ....., đồng.

(Bằng chữ: .....)

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Chi tiết giá hợp đồng được nêu tại Phụ lục 01 Biểu giá hợp đồng kèm theo Hợp đồng này.

- Tổng giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. Bên B phải chịu trách nhiệm nộp đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí với Nhà nước.

6.2. Tạm ứng:

a. Sau khi hợp đồng có hiệu lực, bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị tiền tạm ứng (nội dung và biểu mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng phải được sự chấp thuận của bên A).

Bên A tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng là: ....., đồng;

(Bằng chữ.....)

Tiền tạm ứng được chuyển khoản vào tài khoản của bên B; số tài khoản ghi trong hợp đồng này hoặc số tài khoản theo văn bản đề nghị của Nhà thầu.

b. Thu hồi tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi bằng cách khấu trừ toàn bộ vào giá trị thanh toán trong lần thanh toán đầu tiên.

6.3. Nghiệm thu thanh toán:

a. Số lần nghiệm thu: 02 lần

- Lần 1: Nghiệm thu hoàn thành công tác phần gia công, chế tạo tổ hợp các chi tiết thành cụm trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 (đã mang đến hiện trường nhưng chưa tháo dỡ lắp đặt tại mặt bằng hiện trường).

- Lần 2: Hoàn thành khối lượng còn lại và bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

b. Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản qua ngân hàng.

- Lần 1: Bên A thanh toán 95% giá trị nghiệm thu lần 1 cho bên B sau khi đã khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng.

- Lần 2: Bên A thanh toán toàn bộ số tiền còn lại của hợp đồng cho bên B sau khi nghiệm thu xong toàn bộ giá trị khối lượng hợp đồng, hoàn thành bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng. Bên B phát hành bảo lãnh bảo hành (5%) bằng hình thức thư bảo lãnh ngân hàng (nội dung của bảo lãnh bảo hành phải được sự chấp thuận của bên A).

c. Thời hạn thanh toán: Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng và của Pháp luật hiện hành.

d. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán.

- Hồ sơ quản lý chất lượng.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- Bản vẽ hoàn công tương ứng với khối lượng nghiệm thu.
- Nhật ký thi công
- Bảng xác nhận giá trị hoàn thành đề nghị quyết toán A-B.
- Hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.

6.4. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b. Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

ĐIỀU 7: Bảo hành:

- Bên B bảo hành các phần việc đã thực hiện trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hai bên nghiệm thu công trình và Bên B bàn giao thiết bị cho Bên A đưa vào sử dụng trong điều kiện vận hành sản xuất bình thường.

- Trong thời gian bảo hành, Bên A cần thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công viêc do lỗi của Bên B gây ra. Trong vòng 48 tiếng Bên B phải có mặt tại hiện trường kể từ khi có thông báo bằng điện thoại, fax hoặc email của Bên A. Bên B có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Bên B trong khoảng thời gian do Bên A yêu cầu.

- Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

ĐIỀU 8: Trách nhiệm và cam kết của mỗi bên ký kết hợp đồng:

Trách nhiệm của bên A:

- Bàn giao vật tư, thiết bị và mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B.
- Giám sát tiến độ và chất lượng công việc của nhà thầu, tổ chức nghiệm thu khi nhà thầu có thông báo đã hoàn thành các nội dụng công việc theo hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B như đã thoả thuận ở Điều 6 của Hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

- Nhận bàn giao vật tư thiết bị, mặt bằng từ Bên A trước khi bắt đầu vào sửa chữa.
- Thi công đúng tiến độ và chất lượng như Điều 1 và Điều 2 của hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm về an toàn và quản lý lao động trong quá trình thực hiện công.
- Bàn giao thiết bị cho Bên A khi đã hoàn thành công việc sửa chữa, được các bên liên quan nghiệm thu.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành *(nếu có phát sinh hư hỏng thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu)*.

ĐIỀU 9: Bất khả kháng:

- Nội dung bất khả kháng nêu trong hợp đồng này được hiểu là bất cứ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát và không thể ngăn chặn hoặc khắc phục hoặc dự kiến trước được như; thiên tai, dịch họa, nổi dậy, đình công, tranh chấp về lao động, lở đất, hỏa hoạn, động đất, bão lụt, sóng thần, cấm vận…
- Khi xảy ra bất khả kháng thì Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản và có xác

nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra bất khả kháng.

ĐIỀU 10: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của mỗi bên. Nếu hai bên không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Tòa án Kinh tế tỉnh Lào Cai để xét xử. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành.

- Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận.

- Mọi thay đổi bổ sung (nếu có) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện hai bên mới có hiệu lực thực hiện.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Phụ lục 01

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

Gói thầu: Sửa chữa cụm giàn trao đổi nhiệt từ Cos +2.300 đến Cos +5.120 của thiết bị 20E306 thuộc xưởng SA cho Nhà máy DAP2

(Đính kèm theo Hợp đồng số: /2022/HĐKT- ngày tháng năm 2022)

TT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
I	**PHẦN GIA CÔNG TỔ HỢP CÁC CHI TIẾT THÀNH CỤM GIÀN TRAO ĐỔI NHIỆT**					
1	Gia công chế tạo và lắp đặt tấm vách giữ ống trao đổi nhiệt	Dầy 16mm, vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	1,2666		
2	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ giàn ống trao đổi nhiệt: Ống Tube, cánh tản nhiệt, ống trượt co giãn, bù giãn nở, cút, ống góp và Nozzle	Gia công bằng phương pháp hàn ống cao áp (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-4; DAP2-20E306-5). Có báo cáo kiểm tra 20% các mối hàn ống Tube bằng RT và 100% các mối hàn đường ống góp bằng PT hoặc MT, có kiểm tra thử áp ở 80,5 bar.	Tấn	30,1702		
3	Gia công chế tạo và lắp đặt tôn thành vỏ: Tôn thành 2 bên hông, tôn mặt trước và mặt sau, tôn hộc mặt trước và mặt sau	Gia công bằng phương pháp hàn từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120. Vật liệu SS400 hoặc tương đương (bản vẽ DAP2-20E306-3). Có báo cáo kiểm tra 10% đường hàn tôn thành bằng PT hoặc MT.	Tấn	3,6638		
4	Gia công chế tạo và lắp đặt cửa người	Bao gồm cả bông thủy tinh và Bulong M10x40 (bản vẽ DAP2-20E306-3)	Tấn	0,32185		
5	Gia công chế tạo và lắp đặt hệ khung thành vỏ và tăng cứng	Vật liệu SS400 hoặc tương đương (Bản vẽ DAP2-20E306-3; DAP2-20E306-6)	Tấn	1,6161		
6	Phun cát làm sạch vỏ thiết bị (Hệ khung và tăng cứng tạm tính 4m2/1 tấn)	Làm sạch bề mặt kim loại bằng phun cát (độ sạch 2,5 SA)	m2	42,504		
7	Sơn vỏ thiết bị, hệ khung thành vỏ, tăng cứng (Hệ khung và tăng cứng tạm tính	Một lớp sơn lót và 01 lớp sơn chịu nhiệt ≥400độ C, chiều dày tổng lớp sơn > 130Mcr	m2	42,504		

TT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	4m2/1 tấn)					
II	**THÁO DỠ LẮP ĐẶT TẠI MẶT BẰNG HIỆN TRƯỜNG**					
8	Tháo dỡ đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
9	Tháo dỡ tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
10	Tháo dỡ bông bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-1, sắp xếp vào vị trí để tái sử dụng	m2	93,672		
11	Tháo dỡ phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-1 và 32WHT – DU – ECO3B -001)	Tấn	1,389		
12	Tháo dỡ phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ 32WHT-ECO3B-001) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	33,055		
13	Lắp phần trao đổi nhiệt thiết bị 20E306 mới với phần đáy bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 2.300 đến Cos + 5120 đến (bản vẽ DAP2-20E306-3) Thiết bị nặng hơn 30 tấn, tầm với 8m nên dùng cẩu 120 tấn	Tấn	37,0385		
14	Lắp đặt phần côn nón đỉnh thiết bị 20E306 với phần trao đổi nhiệt mới bằng phương pháp hàn	Từ Cos + 5120 đến Cos + 6320 (bản vẽ DAP2-20E306-2, DAP2-20E306-3 và 32WHT – DU – ECO3B -001)	Tấn	1,389		
15	Lắp đặt đường ống cấp khí (bao gồm cả bảo ôn) vào thiết bị 20E306 bằng phương pháp hàn	Đường ống F1500-A36 từ Cos + 6.320 đến Cos + 5.706 (Bản vẽ DAP2-20E306-2; DAP2-4X1205-20-GAD-3041)	Tấn	2,655		
16	Lắp đặt lại bông bảo ôn cũ (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		
17	Lắp đặt thêm mới 60% bông bảo ôn	Tỷ trong 110Kg/m3 – 120kg/m3 (Bản vẽ DAP2-	m2	56,2035		

TT	Nội dung	Diễn giải, thông số, yêu cầu kỹ thuật	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	xung quanh thiết bị 20E306	20E306-2), chịu nhiệt ≥ 400 độ C				
18	Bọc lại tôn bảo ôn (tận dụng 40%) xung quanh thiết bị 20E306	Bản vẽ DAP2-20E306-2	m2	37,469		
19	Bọc thêm mới 60% tôn bảo ôn xung quanh thiết bị 20E306	Inox 201 hoặc 304 dày 0,3mm (Bản vẽ DAP2-20E306-2)	m2	56,2035		
	Tổng:					
	Thuế VAT 8%					
	Tổng cộng:					
Bằng chữ: …..						